

Các yếu tố tác động đến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào các nước trong khối CPTPP

Nguyễn Văn Nền*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xem xét khả năng tác động của các yếu tố đến kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam đến các nước tham gia vào Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thông qua sử dụng mô hình lực hấp dẫn trong thương mại quốc tế làm nền tảng, kết hợp các nghiên cứu thực nghiệm trước đây đã sử dụng mô hình này cùng với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam. Bên cạnh đó, bài báo còn mở rộng nghiên cứu thông qua việc kiểm định giả thuyết Hoa Kỳ tham gia vào hiệp định CPTPP thì sẽ tác động đến kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam như thế nào. Nghiên cứu sử dụng ước lượng hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM) thông qua dữ liệu bảng về dữ liệu của các biến số trong mô hình của các quốc gia tham gia hiệp định CPTPP trong giai đoạn 1996-2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nguồn cung nguyên liệu, thuế nhập khẩu đồ gỗ từ các đối tác trong CPTPP, sự mở cửa kinh tế và thương mại của Việt Nam lần lượt là những yếu tố tác động mạnh mẽ nhất đến xuất khẩu các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường CPTPP. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cho dù Hoa Kỳ có hay không tham gia vào CPTPP thì đồ gỗ Việt Nam vẫn hưởng được những lợi ích nhất định từ hiệp định này nếu như có những chuẩn bị cần thiết để đáp ứng yêu cầu của hiệp định.

Từ khoá: yếu tố tác động, đồ gỗ, CPTPP, mô hình lực hấp dẫn, thương mại quốc tế

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong gần 10 năm gần đây, với chiến lược phát triển được định hướng rõ ràng, ngành chế biến gỗ Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gỗ và đồ gỗ luôn nằm trong top các nhóm hàng hóa xuất khẩu chủ lực của đất nước. Năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt khoảng 9,3 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ^a đạt 6,8 tỷ USD, chiếm 73,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của toàn ngành. Theo dữ liệu của ITC, Xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam luôn đứng đầu khu vực Asean và duy trì vị trí thứ 7 thế giới trong 4 năm trở lại đây¹. Với thành tựu tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu liên tục trong thời gian qua, ngành gỗ đã góp phần đáng kể trong quá trình nâng cao vị thế thương mại của Việt Nam trên bản đồ thương mại quốc tế.

Gia nhập Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái

Bình Dương (TPP) trước đây và hiện nay là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là cơ hội lớn cho thương mại Việt Nam, trong đó các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ sẽ có điều kiện thúc đẩy xuất khẩu nhờ các hàng rào thuế quan rất nặng nề như hiện nay được gỡ bỏ. Theo nội dung đàm phán trong CPTPP, nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất đồ gỗ phải có xuất xứ từ các nước thuộc CPTPP và đạt yêu cầu chứng nhận về nguồn gốc gỗ hợp pháp mới được hưởng những ưu đãi từ hiệp định. Tuy nhiên, phần lớn nguyên liệu gỗ cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay hoặc không thuộc các nước trong khối CPTPP hoặc đến từ những khu vực có rủi ro pháp lý cao. Bên cạnh đó, trước sự biến động nước Hoa Kỳ rút khỏi hiệp định TPP thì lại có nhiều luồng ý kiến cho rằng ngành đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam sẽ không được hưởng lợi gì vì không có thị trường Mỹ, trong khi phải cạnh tranh gay gắt với Trung Quốc. Nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị ngành hàng đồ gỗ Nghiên cứu của Jori Uusitalo² và World bank³ đã cho thấy nguồn cung nguyên liệu gỗ, chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình thúc đẩy sản xuất và tạo ra giá trị cho ngành chế biến và xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Theo United Nation⁴ và VCCI⁵, sự gia tăng những yêu cầu

^a Đồ gỗ xuất khẩu trong nghiên cứu được xác định là nhóm sản phẩm gỗ xuất khẩu thuộc mã HS94 (chiếm khoảng 73% kim ngạch xuất khẩu lâm sản và đồ gỗ, năm 2017) gồm: đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất gia đình (HS9403) chiếm khoảng 70%; ghế ngồi (HS9401) chiếm khoảng 24%; đồ nội thất cho bệnh viện (HS9402), các loại đèn ngủ (HS9405), nhà lắp ghép (HS9406) chiếm khoảng 6% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ HS94. Các sản khác như gỗ thô, dăm gỗ, các sản phẩm nguyên liệu gỗ (chiếm khoảng 27% kim ngạch xuất khẩu lâm sản và đồ gỗ, năm 2017) không thuộc đối tượng nghiên cứu của nghiên cứu này.

Trường Đại học Kinh tế - Luật,
ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Văn Nền, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam
Email: nennv@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 09/05/2019
- Ngày chấp nhận: 19/07/2019
- Ngày đăng: 27/6/2020

DOI : 10.32508/stdjelm.v4i2.617



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Nền N.V. Các yếu tố tác động đến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào các nước trong khối CPTPP. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 4(2):696-704.

về chứng minh nguồn gốc gỗ nguyên liệu hợp pháp và chính sách đóng cửa rừng tự nhiên cũng đã gia tăng sức ép và ảnh hưởng lên công nghiệp chế biến gỗ của nhiều nước. Những nghiên cứu cụ thể của Vũ Thị Minh Ngọc và Hoàng Thị Ngọc Dung về ngành chế biến gỗ của Việt Nam cũng đã chỉ ra rằng để phát triển xuất khẩu ngành đồ gỗ, Việt Nam cần tập trung vào chiến lược trồng rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ⁶. Các nghiên cứu khác của Vũ Thu Hương & cộng sự⁷ và Trần Văn Hùng⁸ cũng đã dự báo sự phụ thuộc nguồn nguyên liệu, chính sách điều hành của nhà nước sẽ là những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chế biến và xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam trong thời gian tới. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chỉ tiếp cận đánh giá các yếu tố tác động đến đồ gỗ xuất khẩu thông qua các phương pháp thống kê và phân tích định tính. Đặc biệt từ sau khi Mỹ rút khỏi TPP và các quốc gia còn lại lập nên CPTPP thì các nghiên cứu dự báo đến các dòng chảy thương mại dưới tác động của CPTPP bị bỏ ngỏ. Do đó, nghiên cứu này với phương pháp nghiên cứu định lượng từ nguồn dữ liệu thứ cấp tin cậy sẽ ước lượng sự tác động của các yếu tố đến ngành chế biến gỗ xuất khẩu Việt Nam trên nền tảng mô hình lực hấp dẫn trong thương mại quốc tế với những điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh tại Việt Nam. Điểm mới của nghiên cứu này là xem xét liệu Hoa Kỳ rút khỏi TPP sẽ ảnh hưởng thế nào đến xuất khẩu ngành gỗ của Việt Nam so với trường hợp có Hoa Kỳ tham gia như trước đây thông qua so sánh kết quả lượng hóa từ mô hình nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu sẽ là gợi ý quan trọng cho nhà nước trong quá trình xây dựng chính sách và doanh nghiệp trong việc chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng cho sự cạnh tranh của ngành đồ gỗ xuất khẩu ngay khi hiệp định CPTPP có hiệu lực.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Mô hình lực hấp dẫn trong thương mại được sử dụng lần đầu tiên bởi Jan Tinbergen vào năm 1962 và được áp dụng rộng rãi trong các nghiên cứu thực nghiệm để đo lường mức độ tác động của các yếu tố lên dòng chảy thương mại giữa các quốc gia. Mô hình lý thuyết cơ bản giữa hai nền kinh tế A và B được biểu diễn theo công thức sau:

$$\ln(EX_{ABt}) = K + \beta_1 \ln(GDP_{At}) + \beta_2 \ln(GDP_{Bt}) + \beta_3 \ln(DIS_{AB}) + \varepsilon$$

Trong đó:

Ln: Logarit tự nhiên (logarit cơ số e)

EX_{ABt} là kim ngạch trao đổi thương mại giữa quốc gia A và B tại năm t

GDP_{At} và GDP_{Bt} quy mô kinh tế của hai quốc gia A và B tại năm t

DIS_{AB} là khoảng cách giữa hai quốc gia

$\beta_1, \beta_2, \beta_3$: Hệ số hồi quy riêng của từng nhân tố có trong mô hình

ε : Sai số ngẫu nhiên

Với mô hình nghiên cứu tổng quát trên, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã kiểm định và bổ sung vào mô hình những biến số khác phù hợp với điều kiện thực tế từng quốc gia. Các yếu tố khác được khám phá ra có thể được kể đến là GDP theo đầu người được thể hiện trong nghiên cứu của DTI of South Africa⁹, Khiyav và cộng sự¹⁰, Nguyễn Anh Thu¹¹. Nghiên cứu của Kristjánsdóttir¹², A.Elshehawy và cộng sự¹³, Nguyễn Việt Tiến¹⁴ đã bổ sung thêm yếu tố sự tham gia vào các tổ chức thương mại sẽ giúp các quốc gia có điều kiện mở rộng xuất khẩu của mình hơn. Bên cạnh đó, yếu tố dân số nước xuất khẩu cũng được đề xuất bởi Kristjánsdóttir¹², Đào Ngọc Tiến¹⁵ và CIEM¹⁶ và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nước xuất khẩu cũng được bổ sung như sự thể hiện của khả năng sản xuất của các quốc gia¹⁷. Trong khi các hàng rào thuế quan và phi thuế quan được đề xuất bởi Genç & Law và Kang như là những yếu tố cản trở xuất khẩu^{18,19} thì nghiên cứu của Camacho²⁰, Antonio & Troy²¹, Suresh & Neeraj²², Zhang & Wang²³ cho rằng yếu tố quốc gia nhập khẩu có ngôn ngữ sử dụng chung với nước xuất khẩu lại có tác động thúc đẩy xuất khẩu nhiều hơn. Diện tích đất rừng sản xuất thể hiện khả năng cung ứng nguồn nguyên liệu gỗ cho sản xuất chế biến gỗ. Các nghiên cứu của Ekrem và Saban đã sử dụng yếu tố diện tích đất sản xuất có ảnh hưởng nhất định đến kim ngạch xuất khẩu²⁴. Nghiên cứu của G.Dlamini & cộng sự cho thấy mức độ mở cửa của nền kinh tế được thể hiện bằng nhiều biến số như chỉ số mở cửa nền kinh tế, về sự tham gia của các quốc gia vào các tổ chức, diễn đàn thương mại trên thế giới đã giúp các quốc gia gia tăng xuất khẩu mạnh mẽ hơn²⁵. Ngoài ra, theo Harun & cộng sự²⁶ và Achmad & Rita²⁷, chính sách hỗ trợ, điều hành của chính phủ được thể hiện thông qua các chính sách cho phát triển ngành hàng như các gói cho vay ưu đãi lãi suất có tác động làm gia tăng xuất khẩu ngành gỗ.

Dựa trên cơ sở lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm nêu trên và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam, các yếu tố dự báo sẽ tác động lên xuất khẩu đồ gỗ sang các nước CPTPP theo mô hình lực hấp dẫn trong thương mại bao gồm: (1) GDP của Việt Nam; (2) Lực lượng lao động của Việt Nam; (3) Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam; (4) Nguyên liệu trong nước; (5) GDP của các nước CPTPP nhập khẩu đồ gỗ Việt Nam; (6) Dân số của nước CPTPP nhập khẩu

đồ gỗ Việt Nam; (7) Khoảng cách giữa Việt Nam và các quốc gia CPTPP; (8) Hàng rào thuế quan của các nước áp lên hàng đồ gỗ Việt Nam; (9) Lãi suất cho vay của Việt Nam; (10) Mức độ mở cửa của nền kinh tế của Việt Nam.

Với các yếu tố được xác định cụ thể như trên, mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang các nước CPTPP dựa trên nền tảng mô hình lực hấp dẫn trong thương mại quốc tế được xây dựng như sau:

$$\ln(EX_{VJt}) = K + \beta_1 \ln(GDP_{Vt}) + \beta_2 \ln(NLDvt) + \beta_3 \ln(FDIvt) + \beta_4 \ln(NLvt) + \beta_5 \ln(GDP_{Jt}) + \beta_6 \ln(DS_{Jt}) + \beta_7 \ln(KC_{VJt}) + \beta_8 \ln(LSUATVt) + \beta_9 \ln(THUENK_{Jt}) + \beta_{10} WTOt + \beta_{11} FTAt + \varepsilon$$

Giải thích cụ thể các biến và nguồn lấy dữ liệu tại Bảng 1.

Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Phương pháp ước lượng: Nghiên cứu sử dụng chương trình Stata để thực hiện các ước lượng và kiểm định mô hình. Trong quá trình phân tích, sử dụng phương pháp OLS để ước lượng cho mô hình nghiên cứu. Tuy nhiên, do các quan sát ở đây có sự thay đổi theo cả thời gian và không gian (dữ liệu bảng - panel data) cho nên các mô hình hiệu ứng cố định (Fixed Effects Model - FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM) cũng được đề xuất sử dụng để phân tích. Sau khi có kết quả, sẽ tiến hành lần lượt các kiểm định phù hợp để lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp cho nghiên cứu.

Phương pháp tiếp cận: ước lượng sự tác động của các biến số trong mô hình đến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang 10 nước còn lại đang tham gia CPTPP và 11 nước TPP ban đầu (bao gồm cả nước Mỹ) để làm cơ sở để đánh giá 2 kịch bản dự báo cho xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam khi có Mỹ tham gia và không tham gia.

Dữ liệu nghiên cứu: nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng, với không gian là 10 nước CPTPP và nước Mỹ (kịch bản có nước Mỹ tham gia) và thời gian là 20 năm từ năm 1996 – 2015. Có tổng cộng $11 \times 20 = 220$ quan sát được thu thập để đưa vào thực hiện ước lượng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Lựa chọn mô hình tối ưu

Tiến hành ước lượng hồi quy mô hình bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS và hiệu ứng cố định FEM để xem xét tính tối ưu giữa OLS và FEM. Kết quả hồi quy OLS cho kết quả R bình phương hiệu chỉnh lên đến 92,11%. Nghi ngờ có đa cộng tuyến trong mô hình. Kiểm tra thừa số tăng phương sai của các biến

độc lập cho thấy các biến $\ln GDP_v$, $\ln NLD_v$, $\ln FDI_v$, $\ln NL_v$, WTO có hệ số VIF lớn hơn 10.

Tiến hành lần lượt loại bỏ các biến $\ln GDP_v$, $\ln NLD_v$, $\ln FDI_v$, $\ln NL_v$, WTO ra khỏi mô hình để hạn chế hiện tượng đa cộng tuyến. Phương pháp thực hiện là lần lượt loại bỏ từng biến có hệ số VIF quá lớn rồi chạy lại OLS và kiểm tra hệ số VIF, thực hiện đến khi hệ số VIF của tất cả các biến bé hơn 10. Kết quả cho thấy khi bỏ đến hết 3 biến $\ln GDP_v$, $\ln NLD_v$, $\ln FDI_v$ thì hệ số của các biến còn lại đều bé hơn 10 (không cần loại $\ln NL_v$, WTO).

Với các biến còn lại của mô hình, tiến hành ước lượng theo phương pháp hiệu ứng cố định FEM. Kết quả kiểm định F test với tất cả $u_i = 0$ có Prob = 0,0000 < 0,05 cho phép kết luận có sự tương quan giữa yếu tố cố định theo thời gian với phần dư, điều này có nghĩa là ước lượng theo FEM sẽ tối ưu hơn so với OLS.

Tiếp theo, tiến hành ước lượng mô hình bằng phương pháp hiệu ứng ngẫu nhiên REM để xem xét tính tối ưu giữa REM và OLS. Kiểm định hiệu ứng ngẫu nhiên sau khi chạy theo REM cho thấy $Var(u) = 0$ với Prob = 0,0000 < 0,05. Điều này có nghĩa là chấp nhận sự tồn tại ngẫu nhiên trong mô hình hay có sự tương quan với phần dư. Trong trường hợp này thì ước lượng theo REM sẽ tối ưu hơn OLS.

Cuối cùng, tiến hành kiểm định Hausman để xem xét tính tối ưu giữa hai phương pháp REM và FEM. Kết quả kiểm định Hausman cho thấy giá trị Prob = 0,14307 > 0,05, tức là chấp nhận giả thuyết không có sự tương quan với phần dư và tồn tại các ngẫu nhiên. Điều này có nghĩa là ước lượng theo REM sẽ tối ưu hơn FEM. Do đó, REM sẽ được chọn để ước lượng sự tác động của các yếu tố lên xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang các nước CPTPP.

Kết quả ước lượng và kiểm định mô hình

Kịch bản có nước Mỹ tham gia vào CPTPP

Theo kết quả kiểm định lựa chọn mô hình, thì REM sẽ được lựa chọn, kết quả ước lượng theo REM lần 1 với dữ liệu 220 quan sát trong thời gian 10 năm với 11 nước CPTPP (bao gồm cả nước Mỹ). Trong kết quả đó, biến $\ln LSUAT_v$, WTO không có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%.

Tiến hành loại bỏ biến $\ln LSUAT_v$ ra khỏi mô hình trước vì có hệ số P-value cao hơn và chạy REM lần 2.

Kết quả ước lượng tại Bảng 2 cho thấy các biến $\ln NL_v$, $\ln GDP_j$, $\ln DS_j$, $\ln KC_v$, $\ln THUENK_{jv}$, FTA đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%, biến WTO đã có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%. Hệ số R bình phương = 0,6853 cho thấy các biến trong mô hình giải thích được 68,53% sự thay đổi của kim ngạch xuất

Bảng 1: Giải thích các biến và nguồn lấy dữ liệu

Biến quan sát	Giải thích	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Nguồn dữ liệu
EX_{VJt}	Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sang ước J trong năm t	USD		ITC
GDP_{Vt}	GDP của Việt Nam trong năm t	USD	+	UN com trade
$NLDvt$	Số lao động có việc làm của Việt Nam trong năm t	Người	+	TCTK
$FDIvt$	Đầu tư FDI vào Việt Nam trong năm t	USD	+	TCTK
$NLvt$	Nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ Việt Nam trong năm t	m^3	+	AGROINFO
GDP_{Jt}	GDP của các nước nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam	USD	+	WB
DS_{Jt}	Dân số của các nước nhập khẩu đồ gỗ Việt Nam	Người	+	WB
KC_{VJ}	Khoảng cách từ Việt Nam đến các nước nhập khẩu gỗ của Việt Nam	Km	-	Googlemap
$LSUAT_{Vt}$	Lãi suất trung bình của Việt Nam năm t	%	-	IMF
$THUENK_{JVt}$	Mức thuế nhập khẩu đồ gỗ của các quốc gia nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam	%	-	WB
$WTOt$	Thể hiện cả Việt Nam và nước đối tác cùng gia nhập WTO vào năm t	Biến dummy	+	WTO
FTA_t	Thể hiện Việt Nam và các đối tác cùng là thành viên của một FTA vào năm t	Biến dummy	+	VCCI

Bảng 2: Kết quả hồi quy theo REM lần 2

Biến thuộc	phụ	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa - Prob	Khoảng tin cậy	
LnNLv		1,462247	0,2421057	0,000	0,7925558	1,670762
LnGDPj		0,8612053	0,1652484	0,000	0,5382524	1,324102
LnDSj		0,6062782	0,19256	0,004	0,2538574	1,215045
LnKCv		-0,7003274	0,193526	0,007	-0,9856580	-0,3102504
lnTHUENKjv		-0,9562471	0,125876	0,000	-1,125840	-0,6952425
WTO		0,3924207	0,2352862	0,087	0,9145285	0,091924
FTA		1,214602	0,2154582	0,000	1,572453	0,8212354
_cons		27,11373	2,758245	0,000	31,12504	21,12543
Kết quả kiểm định Wald test						
chi2 (11)			297,36			
Prob>chi2			0,000			
F(1,10)			9,853			
Prob>F			0,0237			

Nguồn: Truy xuất kết quả từ Stata

khẩu đồ gỗ, hệ số Prob = 0.000 cho thấy mô hình hoàn toàn phù hợp.

Tiến hành kiểm định Wald với mô hình trên, kết quả kiểm định ở Bảng 2 cho thấy hệ số Prob > chi2 = 0,00 < 0,05, tức là mô hình xảy ra hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Kiểm định hiện tượng tự tương quan với kết quả ở Bảng 2 cũng cho thấy hệ số Prob > F = 0,0237 < 0,05 nên chấp nhận có hiện tượng tự tương quan trong mô hình.

Tiến hành khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan trong mô hình bằng cách ước lượng điều chỉnh sai số.

Kết quả ước lượng (Robust) tại Bảng 3 cho thấy các biến lnNLv, lnGDPj, lnDSj, lnKcV, lnTHUENKjv, FTA đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%, biến WTO có ý nghĩa ở mức ý nghĩa 10%. Kết quả cũng đã khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan trong mô hình. Hệ số R bình phương = 0,6712 cho thấy các biến trong mô hình giải thích được 67,12% sự thay đổi của kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ, hệ số Prob = 0,000 cho thấy mô hình hoàn toàn phù hợp.

Kịch bản không có nước Mỹ tham gia vào CPTPP

Sau khi thực hiện các kiểm định và khắc phục các khuyết tật của mô hình, tiến hành ước lượng mô hình mà không có sự tham gia của nước Mỹ.

Kết quả ước lượng tại Bảng 4 cho thấy khi không có nước Mỹ tham gia vào CPTPP, các biến lnNLv, lnGDPj, lnDSj, lnKcV, lnTHUENKjv, FTA, WTO đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%, hệ số R bình phương giảm còn = 0,6509. Tuy nhiên, kết quả này cho thấy các biến trong mô hình giải thích được 65,09% sự thay đổi của kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ, hệ số Prob = 0,000 cho thấy mô hình hoàn toàn phù hợp.

So sánh hai kịch bản và dự báo sự tác động của CPTPP

So sánh kết quả ước lượng hai mô hình có nước Mỹ và không có nước Mỹ tham gia vào CPTPP tại Bảng 5 cho thấy tình hình đồ gỗ Việt Nam không đến nỗi ảm đạm khi không có nước Mỹ tham gia vào hiệp định CPTPP.

Mô hình hồi quy không có sự tham gia của nước Mỹ vào TPP có dạng như sau:

$$\ln EXv = 1,55 \ln NLv + 0,79 \ln GDPj + 0,71 \ln DSj - 0,71 \ln KcV - 0,88 \ln THUENKjv + 0,46 \text{ WTO} + 1,28 \text{ FTA} + 28,14$$

Mô hình hồi quy có nước Mỹ tham gia vào TPP có dạng như sau:

$$\ln EXv = 1,46 \ln NLv + 0,86 \ln GDPj + 0,61 \ln DSj - 0,70 \ln KcV - 0,96 \ln THUENKjv + 0,39 \text{ WTO} + 1,21 \text{ FTA}$$

+ 27,11

Sự chênh lệch giữa các hệ số hồi quy của các biến số trong cả hai mô hình trên được giải thích như sau:

Thứ nhất, biến lnNLv – nguồn nguyên liệu gỗ cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Hệ số hồi quy của biến này đối với mô hình không có nước Mỹ là 1,55 có nghĩa là khi nguồn nguyên liệu gỗ nội địa được cung ứng tăng lên 1% thì kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ vào các thị trường CPTPP tăng 1,55%. Tuy nhiên, khi có nước Mỹ tham gia vào CPTPP thì xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam chỉ tăng 1,46% khi nguyên gỗ trong nước trong nước tăng 1%. Điều này có thể được lý giải là hàng đồ gỗ gia công của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ nhiều hơn các quốc gia còn lại trong CPTPP, hàng gia công lại không cần nhiều nguồn nguyên liệu trong nước vì các đối tác thuê gia công đã cung ứng hoặc chỉ định nguồn cung nguyên liệu. Trong khi hàng đồ gỗ sản xuất và xuất khẩu theo thiết kế và thương hiệu của Việt Nam vào các thị trường còn lại, sử dụng nguyên liệu trong nước nhiều hơn. Do đó, nguyên liệu gỗ trong nước tăng lên sẽ có ý nghĩa thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường ngoài Mỹ nhiều hơn. Kết quả này cho phép dự báo rằng cho dù nước Mỹ không tham gia vào CPTPP thì hàng đồ gỗ xuất khẩu Việt Nam vẫn có thể tăng trưởng xuất khẩu vào các thị trường còn lại của CPTPP nếu như Việt Nam có chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ và nguồn cung nguyên liệu phù hợp để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu theo những thương hiệu riêng của mình.

Thứ hai, biến lnTHUENKjv - thuế nhập khẩu của các nước đối với hàng đồ gỗ xuất khẩu Việt Nam. Hệ số hồi quy của biến này đối với kịch bản không có nước Mỹ tham gia bằng 0,88 nghĩa là khi thuế nhập khẩu đồ gỗ của các nước CPTPP tăng 1% thì xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam giảm 0,88%. Trong khi đó nếu có Mỹ tham gia, thuế nhập khẩu đồ gỗ của các nước tăng 1% thì xuất khẩu đồ gỗ giảm đến 0,96%. Rõ ràng khi có Mỹ tham gia vào CPTPP, sự tác động của thuế quan sẽ mạnh mẽ hơn. Điều này có nghĩa là, xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sẽ tăng vào các thị trường CPTPP có Mỹ tham gia nhiều hơn so với không có Mỹ tham gia khi thuế quan được giảm theo thỏa thuận CPTPP. Tuy nhiên, ở cả hai mô hình, rõ ràng biến thuế nhập khẩu đều có ý nghĩa giải thích. Kết quả trên cho phép dự báo như sau:

(1) Khi Mỹ không tham gia vào CPTPP, nếu thuế nhập khẩu hàng đồ gỗ Việt Nam vào Mỹ không giảm, Việt Nam sẽ không thể gia tăng mạnh mẽ xuất khẩu đồ gỗ vào Mỹ dựa trên yếu tố giảm thuế. Tuy nhiên xuất khẩu đồ gỗ vào thị trường Mỹ vẫn có thể tăng trưởng bình thường dựa vào các yếu tố khác (dân số nước Mỹ tăng, GDP nước Mỹ tăng, nguyên liệu vãi trong nước tăng).

Bảng 3: Kết quả mô hình khắc phục tự tương quan và phương sai thay đổi (có nước Mỹ)

Biến phụ thuộc	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa - Prob	Khoảng tin cậy	
LnNLv	1,462247	0,3912504	0,008	0,543254	2,194527
LnGDPj	0,8612053	0,2974420	0,042	0,2685423	1,514257
LnDSj	0,6062782	0,3425832	0,036	0,07125543	1,375425
LnKCv	-0,7003274	0,28542	0,024	-1,315422	-0,089534
lnTHUENKjv	-0,9562471	0,242514	0,000	-1,385426	-0,514254
WTO	0,3924207	0,2352189	0,092	0,8954236	0,0814254
FTA	1,214602	0,4653284	0,028	2,224572	0,2245242
_cons	27,11373	3,78524	0,000	34,25463	19,24542

Nguồn: Truy xuất kết quả từ Stata

Bảng 4: Kết quả mô hình khắc phục tự tương quan và phương sai thay đổi (không có nước Mỹ)

Biến phụ thuộc	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa - Prob	Khoảng tin cậy	
LnNLv	1,548542	0,4754281	0,007	0,5525424	2,396524
LnGDPj	0,7923542	0,3754285	0,042	0,0652103	1,565248
LnDSj	0,7124856	0,4012546	0,039	0,0581254	1,6245
LnKCv	-0,709854	0,28542	0,028	-1,28542	-0,119542
lnTHUENKjv	-0,878524	0,2352015	0,000	-1,41250	-0,525482
WTO	0,4585421	0,2568425	0,062	0,9624201	0,047524
FTA	1,281242	0,502125	0,013	2,315241	0,225482
_cons	28,14235	3,754258	0,000	33,85428	18,84524

Nguồn: Truy xuất kết quả từ Stata

Bảng 5: So sánh kết quả khi Mỹ tham gia hoặc không tham gia vào TPP

Biến phụ thuộc	Hệ số hồi quy (có nước Mỹ)	Hệ số hồi quy (không có nước Mỹ)
LnNLv	1,462247	1,548542
LnGDPj	0,8612053	0,7923542
LnDSj	0,6062782	0,7124856
LnKCv	-0,7003274	-0,7098541
lnTHUENKjv	-0,9562471	-1,878524
WTO	0,3924207	0,4585421
FTA	1,214602	1,281242
_cons	27,11373	28,14235
	R bình phương = 0,6712	R bình phương = 0,6509

Nguồn: Truy xuất kết quả từ Stata

(2) Khi Mỹ không tham gia vào CPTPP, hàng xuất khẩu đồ gỗ vào các nước còn lại vẫn có sự tăng trưởng khi thuế nhập khẩu được giảm. Điều này có nghĩa là khi thuế nhập khẩu giảm vẫn có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào các thị trường CPTPP còn lại mặc dù không có nước Mỹ tham gia. Thứ ba, biến WTO và FTA thể hiện sự mở cửa thương mại của Việt Nam. Kết quả ước lượng không có nước Mỹ tham gia vào CPTPP cho thấy hệ số hồi quy của biến FTA bằng 1,28, biến WTO bằng 0,46, điều này có nghĩa là khi Việt Nam và các quốc gia CPTPP cùng là thành viên của WTO hoặc cùng là thành viên của một FTA khác thì kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sẽ cao hơn. Rõ ràng tác động của FTA lớn hơn tác động của WTO do các cam kết trong FTA có mức độ mở cửa thương mại cao hơn ($1,28 > 0,46$). Từ đó có thể nhận định các cam kết mở cửa mạnh mẽ hơn sẽ thúc đẩy xuất khẩu mạnh hơn. Tuy đa số các nước trong khối CPTPP hiện nay (không có Mỹ) đã có FTA với Việt Nam nhưng mức độ cam kết của CPTPP dành cho đồ gỗ Việt Nam cao hơn các cam kết FTA hiện tại. Bên cạnh đó, cũng còn vài thành viên trong CPTPP như Canada, Mexico, Peru chưa có FTA với Việt Nam. Do đó, kết quả ước lượng cùng với những phân tích trên cho phép dự báo rằng mặc dù Mỹ không tham gia vào CPTPP nhưng CPTPP (có tác động như một FTA) vẫn có khả năng thúc đẩy xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào các thị trường còn lại vì mức độ mở cửa của nó cao hơn.

Thứ tư, các biến DS_j, GDP_j có đều có ý nghĩa thống kê trong cả hai mô hình và phù hợp với các giả thuyết nghiên cứu. Điều này có nghĩa là cho dù nước Mỹ có tham gia hay không tham gia vào CPTPP thì sự gia tăng tiêu dùng từ nước Mỹ do dân số tăng và GDP nước Mỹ tăng vẫn tác động đến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam theo xu hướng như trước đây, hoàn toàn không có tác động tiêu cực.

KẾT LUẬN NGHIÊN CỨU

Với những kết quả nghiên cứu được thảo luận và dự báo như trên, các kết luận sau đây được đưa ra. Những kết luận này sẽ là cơ sở khoa học quan trọng để các nghiên cứu tiếp theo thảo luận hoặc các nhà quản lý đề xuất chính sách và xây dựng giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong thời gian tới: Một là, về tổng thể, việc mở cửa thị trường thương mại với các quốc gia thông qua một FTA sẽ giúp tăng trưởng xuất khẩu đồ gỗ đáng kể. Qua đó, có thể dự báo việc tham gia CPTPP – một FTA của thế kỷ XX, vẫn sẽ có tác động nhất định đến kim ngạch xuất khẩu ngành đồ gỗ của Việt Nam mặc dù không có nước Mỹ tham gia.

Hai là, thuế nhập khẩu hàng đồ gỗ của các nước trong

CPTPP giảm sẽ có tác động thúc đẩy hàng đồ gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang các quốc gia này. Cả hai kịch bản có nước Mỹ hay không có nước Mỹ tham gia vào CPTPP thì khi thuế nhập khẩu đồ gỗ giảm, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam vào các nước này vẫn tăng lên. Dĩ nhiên, xuất khẩu đồ gỗ sẽ tăng ít hơn khi không có Mỹ. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn cần có những giải pháp then chốt để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ. Bởi lẽ kết quả dự báo kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam vào các nước CPTPP còn lại vẫn có thể tăng trưởng với mức thuế giảm xuống khi CPTPP có hiệu lực thậm chí khi nước Mỹ không tham gia.

Ba là, về phía năng lực cung ứng nguyên liệu nội địa, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra tăng nguồn cung sản xuất nguyên liệu gỗ trong nước sẽ thúc đẩy được xuất khẩu đồ gỗ đáng kể vào các thị trường CPTPP. Đây cũng là vấn đề then chốt cần khắc phục để giải quyết cái vòng luẩn quẩn trong sản xuất đồ gỗ Việt Nam là công nghiệp hỗ trợ và nguồn nguyên liệu chưa chủ động nên chủ yếu gia công theo mẫu mã khách hàng cung cấp, do gia công nên không thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ và vùng nguyên liệu phát triển, từ đó giá trị xuất khẩu không cao. Do đó, điều này tiếp tục khẳng định phát triển vùng nguyên liệu gỗ là một trong những điểm lưu ý hàng đầu cho ngành đồ gỗ Việt Nam nếu muốn tiếp tục tăng trưởng xuất khẩu, đặc biệt là vào các thị trường CPTPP khi hiệp định này có hiệu lực.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CPTPP: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

TPP: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương

FTA: Hiệp định mậu dịch tự do

WTO: Tổ chức thương mại thế giới

VCCI: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Toàn bộ nội dung bài viết chỉ do tác giả thực hiện

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ITC. Dữ liệu Trade map từ Trung tâm thương mại thế giới. 2019; Available from: <https://www.trademap.org/Index.aspx?lang=fr>.
2. Jori U. Value creation in wood supply chains (wood value). WoodWisdom-Net Research Programme 2006-11 - Final Report. 2006;.
3. World Bank Group. Comparative Value Chain and Economic Analysis of Furniture/Wood Processing Sector (Chairs) in Ethiopia, Tanzania, Zambia, China and Vietnam. 2011;.
4. United Nation. Forest Products Annual Market Review 2012-2013. Geneva Timber and Forest Study Paper. 2013;p. 33.

5. VCCI. Báo cáo nghiên cứu ngành chế biến gỗ. Hà Nội: Dự án Hỗ trợ Hiệp hội thực hiện nghiên cứu chiến lược phát triển ngành. 2014;.
6. Ngọc VTM, Dung HTN. Thực trạng và một số giải pháp phát triển thị trường lâm sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp. 2014;4:151–160.
7. Hương VT, et al. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, Cơ hội và thách thức đối với công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp. 2014;3:136–144.
8. Hùng TV. Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ. Tạp chí phát triển và hội nhập. 2015;22:66–72.
9. DTI of South Africa. A Gravity Model for the Determination and Analysis of Trade Potential for South Africa. Research of the department of trade and industry South Africa. 2003;.
10. Khiyavi K, et al. Investigation of Factors Affecting the International Trade of Agricultural Products in Developing Countries. Life Science Journal. 2013;10:409–414.
11. Thu NA. Assessing the Impact of Vietnam's Integration under AFTA and VJEPA on Vietnam's Trade Flows, Gravity Model Approach. Yokohama Journal of Sciences. 2012;17:137–149.
12. Kristjánsdóttir H. A Gravity Model for Exports from Iceland. A Research of Centre for Applied Microeconometrics (CAM) at the University of Copenhagen. 2005;.
13. Elshehawy AM, et al. The Factors Affecting Egypt's Exports: Evidence from the Gravity Model Analysis. Open Journal of Social Scienc. 2014;2:138–148. Available from: <https://doi.org/10.4236/jss.2014.211020>.
14. Tiến NV. Vietnam's exports to TPP countries gravity model, trade determinants and trade potentials. The paper for The ninth Vietnam Economists Annual Meeting VEAM. 2016;.
15. Tiến DN. Ảnh hưởng của các nhân tố tới luồng xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và các nước TPP. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. 2013;5:23–27.
16. CIEM. Phụ thuộc kinh tế giữa Việt Nam - Trung Quốc. Báo cáo nghiên cứu của Viện NQCLKTW. 2016;.
17. Hiếu TT, Thủy PTT. Ứng dụng mô hình lực hấp dẫn trong thương mại quốc tế. Tạp chí quản lý kinh tế. 2010;31:12–21.
18. Genç M, Law D. A Gravity Model of Barriers to Trade in New Zealand. New Zealand Treasury Working Paper. 2014;.
19. Kang S. Is Korea Exploiting Its Trade Potentials in Africa? :Gravity Equation Analysis and Policy Implications. Korea and the World Economy. 2014;15(1):97–128.
20. Camacho P. Portugal's Integration in World Trade: A Gravity Model. A research of DIAMINA/CET ISCTE-IUL. 2013; Available from: <https://doi.org/10.7749/dinamiacet-iul.rp.2013.01>.
21. Antoni A, Troy L. A gravity model approach to analyzing the trade performance of Caricom member states. Econometrics and International Development. 2014;14(2):21–36.
22. Suresh G, Neeraj A. Determinants of India's Manufactured Exports to South and North: A Gravity Model Analysis. International Journal of Economics and Financial. 2014;4(1):144–151.
23. Zhang Y, Wang S. Trade Potential of China's Export to ASEAN: The Gravity Model Using New Economic Mass Proxies. Journal of Systems Science and Information. 2015;3(5):411–420. Available from: <https://doi.org/10.1515/JSSI-2015-0411>.
24. Ekrem E, Saban N. Gravity Model of Turkish Agricultural Exports to the European Union. International Trade and Finance Association Working Papers. 2014;7:21–37.
25. Dlamini GS, et al. Determinants of Swaziland's Sugar Export: A Gravity Model Approach. International Journal of Economics and Finance. 2016;8(10):71–81. Available from: <https://doi.org/10.5539/ijef.v8n10p71>.
26. Harun Z, et al. Trend of Timber Products Export in Malaysia. Indonesia: International Conference on Business - Management & Corporate Social Responsibility (ICBMCSR'14). 2014;.
27. Achmad S, Rita N. The Analysis of Affecting Factors to the Export of Rattan Furniture Indonesia in the International Market. International Journal of Science and Research. 2015;5(10):1514–1519.

Factors affecting Vietnam's wooden furniture export into CPTPP countries

Nguyen Van Nen *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article focuses on examining the impact of factors affecting Vietnam's wood products export to member countries of the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP). The gravity model is employed with reference to previous empirical studies and the practical conditions of Vietnam. In addition, we also consider the influence of the US's accession to the CPTPP on the export turnover of Vietnam's wooden furniture. The Random Effects Model (REM) is used to analyze the panel data of CPTPP countries in the period 1996-2015. The results show that the supply of wood materials, furniture import duties of CPTPP partners, Vietnam's economic and trade expansion have the strongest impact on the wood product export of Vietnam into the CPTPP market. Besides, Vietnam's wooden furniture industry still enjoys the benefits from the Agreement whether the US becomes a member of CPTPP or not, as long as Vietnam has proper preparations to meet the requirements of the Agreement.

Key words: impact factor, furniture, CPTPP, gravity model, international trade

University of Economics and Law,
VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Van Nen, University of Economics and Law, VNU-HCM, Vietnam

Email: nennv@uel.edu.vn

History

- Received: 09/05/2019
- Accepted: 19/07/2019
- Published: 27/6/2020

DOI : 10.32508/stdjelm.v4i2.617



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nen N.V. Factors affecting Vietnam's wooden furniture export into CPTPP countries. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 4(2):696-704.